TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 228/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/06/2022
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tỏ

2. Bà Võ Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Mỹ L, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Nguyễn Ái Q, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày: Chị L và anh Q kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, chung sống đến tháng 3 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn gia đình, do anh Q không quan tâm đến vợ, con, chị L nghi ngờ anh Q có quan hệ tình

cảm với người phụ nữ khác về nhà anh Q kiếm chuyện chửi chị L và xúc phạm gia đình bên vợ, cuộc sống không hạnh phúc, nên trong tháng 3/2020 chị L bỏ về sống với cô ruột cho đến nay vợ chồng không gặp nhau hàn gắn tình cảm, nên chị L yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày xx/xx/xxxx, Nguyễn Trần Linh Th1 sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Trần Linh Th2, sinh ngày xx/x/xxxx đang sống với chị L. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Linh Th1 và Nguyễn Trần Linh Th2 mỗi tháng 750.000 đồng/1 con. Chị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

* Quá trình xét xử anh Nguyễn Ái Q trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân như chị L trình bày. Thời gian chung sống đến năm 2020 xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị L bỏ đi về sống bên gia đình chị cho đến nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Về con chung thống nhất như chị L trình bày. Anh Q yêu cầu giao 03 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, vì không có khả năng thực hiện cấp dưỡng. Anh Q không yêu cầu giải quyết tài sản.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L. Chị L được ly hôn anh Nguyễn Minh Q. Về con, giao 03 con chung Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày xx/x/xxxx, Nguyễn Trần Linh Th1 sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Trần Linh Th2, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần L Th1 và Nguyễn Trần Linh Th2 theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân, chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Ái Q tự nguyện kết hôn, được UBND xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 30/01/2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình như chị L và anh Q trình bày trên. Tại phiên tòa chị L và anh Q nhận thấy không thể tiếp tục chung sống, nên chị L và anh Q yêu cầu Hội đồng xét xử cho ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L và anh Q.

[2] Về nuôi con chung, nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Cẩm H muốn tiếp tục sống với mẹ. Hội đồng xét xử ghi nhận thống nhất yêu cầu của chị L và anh Q về việc giao 03 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L là chưa nhận thức được nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con khi ly hôn theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của chị L về mức cấp dưỡng nuôi con phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Linh Th1 và Nguyễn Trần Linh Th2 theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử ghi nhận chị L và anh Q không yêu cầu giải quyết tài sản.

[3] Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Ái Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày 04/7/2007, Nguyễn Trần Linh Th1, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Trần Linh Th2, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ái Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Linh Th1 và Nguyễn Trần Linh Th2 số tiền 1.500.000đồng/tháng (750.000đồng/con/tháng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trần Linh Th1 và Nguyễn Trần Linh Th2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0007328

ngày xx/xx/xxxx của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Anh Nguyễn Ái Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND xã Tân Thành, huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng